

Số: ~~1464~~.../QĐ-ĐHLHN

Hà Nội, ngày ~~26~~...tháng...~~5~~...năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả thi tuyển kỳ thi tuyển dụng viên chức năm 2015

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-BTP ngày 07 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII thông qua ngày 15/11/2010, có hiệu lực từ ngày 01/01/2012;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2015 của Trường Đại học Luật Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi tuyển kỳ thi tuyển dụng viên chức Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2015 đối với 71 thí sinh có tên trong Danh sách kèm theo.

Điều 2. Phòng Tổ chức cán bộ có trách nhiệm thông báo kết quả kỳ thi tuyển viên chức năm 2015 cho các thí sinh.

Điều 3. Trưởng Phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *HL*

- Như Điều 2;
- Vụ TCCB, Bộ Tư pháp (để b/cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Các thành viên HĐTDVC 2015 (để biết);
- Lưu: VT, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG
Châu
Lê Tiến Châu

KẾT QUẢ THI

KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1461/QĐ-ĐHLN ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội về việc công nhận kết quả thi tuyển kỳ thi tuyển dụng viên chức năm 2015)

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm thi Tin học	Điểm thi Ngoại ngữ	Điểm thi Kiến thức chung (Hệ số 1)	Điểm thi chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành		Tổng số (Điểm thi KTC, CMNVCN)	Ghi chú
									Thi Viết (Hệ số 1)	Thi thực hành (Hệ số 2)		
1	00005	Vũ Hoàng	Anh	17/6/1993	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	73.00	90.00	95.00	96.50	71.40	334.30	
2	00037	Nguyễn Bích	Phượng	20/3/1990	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	61.00	74.00	42.50	50.50	61.80	216.60	
3	00038	Đào Ngọc	Sơn	21/8/1992	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	83.00	64.00	50.00	81.00	78.00	287.00	
4	00048	Nguyễn Thị Huyền	Trang	4/9/1990	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
5	00049	Nguyễn Thị Minh	Trang	20/12/1991	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự	56.00	98.00	80.00	73.00	66.40	285.80	
6	00010	Nguyễn Ngọc Hồng	Dương	02/9/1993	GV Môn Luật Sở hữu trí tuệ	60.00	94.00	70.00	48.00	78.20	274.40	
7	00028	Nguyễn Hoài	Nam	14/11/1993	GV Môn Luật Sở hữu trí tuệ	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
8	00035	Phạm Thị	Phương	12/6/1993	GV Môn Luật Sở hữu trí tuệ	32.00	62.00	34.50	47.00	63.20	207.90	
9	00036	Trịnh Ngọc Anh	Phương	5/9/1991	GV Môn Luật Sở hữu trí tuệ	Bỏ thi	Miễn	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
10	00004	Nguyễn Thị Kim	Anh	04/11/1983	GV Môn Tâm lý học	38.00	90.00	34.00	32.50	30.60	127.70	
11	00012	Lê Thị Thanh	Hà	14/06/1990	GV Môn Tâm lý học	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		

12	00013	Nguyễn Thị	Hà	06/01/1989	GV Môn Tâm lý học	74.00	66.00	91.50	35.00	75.80	278.10	
13	00045	Đặng Thị Thu	Trang	22/8/1992	GV Môn Tâm lý học	64.50	68.00	30.00	79.50	73.20	255.90	
14	00051	Vũ Thị Tổ	Uyên	24/10/1980	GV Môn Tâm lý học	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
15	00006	Hà Hồng	Cầm	13/03/1993	GV môn Luật hình sự	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
16	00015	Lê Thị Diễm	Hằng	12/4/1992	GV môn Luật hình sự	77.00	96.00	73.50	71.50	77.00	299.00	
17	00021	Hoàng Ngọc	Lan	18/02/1993	GV môn Luật hình sự	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
18	00047	Ngô Thu	Trang	24/04/1993	GV môn Luật hình sự	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
19	00024	Trần Thị	Lựu	14/12/1992	GV Môn Công pháp quốc tế	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
20	00026	Lương Quang Ngọc	Minh	18/08/1991	GV Môn Công pháp quốc tế	Bỏ thi	Miễn	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
21	00046	Lê Minh	Trang	20/10/1992	GV Môn Công pháp quốc tế	91.00	Miễn	80.00	95.50	78.60	332.70	
22	00016	Lê Hồng	Hạnh	5/1/1991	GV Môn Pháp luật Cộng đồng ASEAN	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
23	00034	Hoàng Thanh	Phương	23/10/1990	GV Môn Pháp luật Cộng đồng ASEAN	87.50	96.00	60.00	68.00	76.60	281.20	
24	00007	Đỗ Thị	Đào	5/6/1993	GV Môn Pháp luật đa phương và đầu tư quốc tế	59.00	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
25	00041	Nguyễn Can	Thắng	29/12/1993	GV Môn Pháp luật đa phương và đầu tư quốc tế	32.00	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
26	00050	Hà Mạnh	Tú	11/9/1993	GV Môn Pháp luật đa phương và đầu tư quốc tế	59.50	100.00	64.50	32.50	77.80	252.60	
27	00001	Trần Phương Tâm	An	04/11/1985	GV Môn Kinh tế học	74.00	82.00	70.00	54.00	78.60	281.20	
28	00025	Đoàn Thế	Mạnh	14/7/1991	GV Môn Kinh tế học	59.50	86.00	70.00	10.00	Bỏ thi		
29	00027	Nguyễn Anh	Minh	31/7/1991	GV Môn Kinh tế học	79.00	Miễn	64.50	43.50	66.00	240.00	
30	00008	Lưu Thị	Dung	20/4/1990	GV Môn Luật đất đai	54.00	58.00	31.50	36.00	45.00	157.50	

31	00011	Nguyễn Thị Hương	Giang	31/07/1987	GV Môn Luật đất đai	Bỏ thi	Miễn	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
32	00031	Phạm Thị Ánh	Ngọc	15/3/1992	GV Môn Luật đất đai	87.50	62.00	42.00	51.50	75.60	244.70	
33	00032	Bùi Hồng	Nhung	14/9/1992	GV Môn Luật đất đai	89.50	64.00	75.00	79.75	74.60	303.95	
34	00043	Nguyễn Thị Lam	Thùy	9/12/1993	GV Môn Luật đất đai	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
35	00044	Nguyễn Thùy	Tiên	18/03/1993	GV Môn Luật đất đai	50.00	88.00	32.50	Bỏ thi	Bỏ thi		
36	00003	Đinh Kim	Anh	7/10/1992	GV Môn Tiếng Anh	Bỏ thi	Miễn	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
37	00014	Phạm Thị Hải	Hà	10/02/1988	GV Môn Tiếng Anh	59.00	Miễn	48.00	44.00	46.40	184.80	
38	00030	Phan Thu	Nga	30/07/1991	GV Môn Tiếng Anh	Bỏ thi	Miễn	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
39	00039	Nguyễn Văn	Sơn	25/09/1993	GV Môn Tiếng Anh	Bỏ thi	Miễn	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
40	00042	Lê Thị	Thanh	20/7/1991	GV Môn Tiếng Anh	52.50	Miễn	76.00	21.00	62.60	222.20	
41	00002	Đào Thúy	Anh	14/01/1991	GV Môn Xây dựng văn bản pháp luật	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
42	00017	Lê Thị Hồng	Hạnh	5/11/1993	GV Môn Xây dựng văn bản pháp luật	88.00	88.00	80.50	73.00	77.20	307.90	
43	00023	Nông Thị	Le	4/1/1993	GV Môn Xây dựng văn bản pháp luật	31.00	44.00	37.00	18.00	49.60	154.20	
44	00033	Phạm Hồng	Nhung	9/12/1991	GV Môn Xây dựng văn bản pháp luật	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
45	00040	Tô Thái	Sơn	2/5/1993	GV Môn Xây dựng văn bản pháp luật	83.00	74.00	74.00	67.00	75.20	291.40	
46	00009	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	02/5/1993	GV Môn Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN	69.00	94.00	64.50	53.50	76.80	271.60	
47	00018	Vũ Thị	Hạnh	1/3/1992	GV Môn Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
48	00029	Nguyễn Thị Hồng	Nga	20/10/1990	GV Môn Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN	56.50	54.00	34.00	10.00	43.60	131.20	
49	00019	Nguyễn Thanh	Hương	11/10/1992	GV Môn xã hội học	62.00	76.00	55.50	51.00	82.80	272.10	

50	00020	Phạm Thị Lan	Hương	2/9/1990	GV Môn xã hội học	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
51	00022	Nguyễn Thị	Lê	26/8/1983	GV Môn xã hội học	50.00	58.00	22.00	16.00	45.20	128.40	
52	00053	Trần Thị	Chiêm	3/5/1991	TVV Trung tâm Thông tin Thư viện	50.50	58.00	25.00	24.50	57.80	165.10	
53	00054	Ngô Thị	Hà	30/6/1990	TVV Trung tâm Thông tin Thư viện	75.00	52.00	35.75	58.00	74.80	243.35	
54	00057	Nguyễn Thị Bích	Hàn	14/08/1992	TVV Trung tâm Thông tin Thư viện	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
55	00059	Lê Thị	Hồng	17/02/1990	TVV Trung tâm Thông tin Thư viện	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
56	00065	Giáp Thị Quỳnh	Nga	8/6/1985	TVV Trung tâm Thông tin Thư viện	59.00	38.00	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
57	00067	Phùng Thị	Ngân	24/10/1992	TVV Trung tâm Thông tin Thư viện	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
58	00068	Nguyễn Khánh	Ngọc	6/11/1989	TVV Trung tâm Thông tin Thư viện	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
59	00071	Phạm Thị	Thu	18/09/1991	TVV Trung tâm Thông tin Thư viện	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
60	00052	Nguyễn Thị Vân	Anh	21/03/1993	CV Trung tâm Tư vấn pháp luật	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
61	00055	Nguyễn Thái Thu	Hà	28/05/1991	CV Trung tâm Tư vấn pháp luật	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
62	00058	Thắm Thúy	Hòa	19/4/1992	CV Trung tâm Tư vấn pháp luật	41.50	58.00	19.00	20.00	61.00	161.00	
63	00060	Nguyễn Thị	Huế	27/12/1993	CV Trung tâm Tư vấn pháp luật	64.50	72.00	29.00	24.50	Bỏ thi		
64	00061	Nguyễn Thị Thanh	Hương	19/4/1992	CV Trung tâm Tư vấn pháp luật	74.50	66.00	41.00	20.50	Bỏ thi		
65	00062	Vũ Thị Thu	Huyền	4/12/1988	CV Trung tâm Tư vấn pháp luật	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
66	00063	Trần Thị Nguyệt	Lệ	7/10/1992	CV Trung tâm Tư vấn pháp luật	77.00	90.00	45.00	23.00	76.00	220.00	
67	00064	Phạm Thị Mỹ	Linh	04/11/1993	CV Trung tâm Tư vấn pháp luật	67.50	68.00	51.00	50.50	69.60	240.70	
68	00066	Trần Quỳnh	Nga	30/07/1991	CV Trung tâm Tư vấn pháp luật	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		

69	00070	Nguyễn Thị	Thắm	26/03/1993	CV Trung tâm Tư vấn pháp luật	25.00	58.00	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
70	00056	Nguyễn Thị Thanh	Hải	25/02/1992	Điều dưỡng viên Trạm Y tế	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi		
71	00069	Nguyễn Thị	Quỳnh	14/3/1992	Điều dưỡng viên Trạm Y tế	72.00	Miễn	50.00	Miễn	71.80	193.60	

17/